

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK**



**DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG**  
**HỘI ĐỒNG THI NGÀY 20.9.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LR 1.2**

| STT | SBD                | Họ và tên           | Giới tính | Ngày sinh  | Số CCCD/Hộ chiếu | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|--------------------|---------------------|-----------|------------|------------------|-----------|---------|
| 1   | H42637850200000001 | NGUYEN HAI ANH      | 男         | 1995-01-12 | 001095006906     | LR 1.2    |         |
| 2   | H42637850200000002 | NGUYEN THI NGA      | 女         | 1986-08-23 | 001186031950     | LR 1.2    |         |
| 3   | H42637850200000003 | DUONG THI YEN       | 女         | 1999-07-10 | 001199011897     | LR 1.2    |         |
| 4   | H42637850200000004 | NGUYEN LE PHONG     | 男         | 2009-05-10 | 0012009004967    | LR 1.2    |         |
| 5   | H42637850200000005 | DINH THE VAN        | 男         | 2005-09-22 | 001205025313     | LR 1.2    |         |
| 6   | H42637850200000006 | NGUYEN LE VUONG VU  | 男         | 2007-08-12 | 001207008931     | LR 1.2    |         |
| 7   | H42637850200000007 | NGUYEN DUY QUOC DAT | 男         | 2007-05-22 | 001207039419     | LR 1.2    |         |
| 8   | H42637850200000008 | PHAM PHUONG ANH     | 女         | 2005-10-26 | 001305016071     | LR 1.2    |         |
| 9   | H42637850200000009 | NGUYEN THU THAO     | 女         | 1995-09-04 | 002195004210     | LR 1.2    |         |
| 10  | H42637850200000010 | HOANG THI CHUC      | 女         | 1990-10-30 | 008190003574     | LR 1.2    |         |
| 11  | H42637850200000011 | TRAN THI BAO NGOC   | 女         | 1995-02-01 | 008195004272     | LR 1.2    |         |
| 12  | H42637850200000012 | DAO THI KHANH LINH  | 女         | 2009-06-21 | 008309008649     | LR 1.2    |         |
| 13  | H42637850200000013 | HOANG LE KHANH THU  | 女         | 2012-10-07 | 008312006577     | LR 1.2    |         |
| 14  | H42637850200000014 | HOANG MINH THU      | 女         | 2009-08-20 | 010309008415     | LR 1.2    |         |
| 15  | H42637850200000015 | LE THI PHUONG HONG  | 女         | 1995-08-29 | 019195010073     | LR 1.2    |         |



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG  
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 20.9.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LR 2.3

| STT | SBD                | Họ và tên                | Giới tính | Ngày sinh  | Số CCCD/Hộ chiếu | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|--------------------|--------------------------|-----------|------------|------------------|-----------|---------|
| 1   | H42637850200000016 | VU THAO NHI              | 女         | 1997-09-10 | 019197002897     | LR 2.3    |         |
| 2   | H42637850200000017 | NGUYEN THAO VAN          | 女         | 2001-07-19 | 019301000545     | LR 2.3    |         |
| 3   | H42637850200000018 | DUONG HUU NGHIA          | 男         | 1997-11-21 | 020097005024     | LR 2.3    |         |
| 4   | H42637850200000019 | PHAM MINH HIEN           | 女         | 1995-01-13 | 020195006309     | LR 2.3    |         |
| 5   | H42637850200000020 | PHAM THANH THUY          | 女         | 2001-10-04 | 020301004302     | LR 2.3    |         |
| 6   | H42637850200000021 | PHAM THI HUYEN TRANG     | 女         | 1999-12-30 | 022199004152     | LR 2.3    |         |
| 7   | H42637850200000022 | LAI HOANG HIEU           | 男         | 2007-01-29 | 022207000443     | LR 2.3    |         |
| 8   | H42637850200000023 | DO THI QUYNH             | 女         | 2001-10-02 | 022301005786     | LR 2.3    |         |
| 9   | H42637850200000024 | NGUYEN NHAT CHAU ANH     | 女         | 2009-12-14 | 022309004571     | LR 2.3    |         |
| 10  | H42637850200000025 | DUONG THU HUONG          | 女         | 1992-03-07 | 024192012281     | LR 2.3    |         |
| 11  | H42637850200000026 | NGUYEN THI NGOC          | 女         | 1993-10-05 | 024193015952     | LR 2.3    |         |
| 12  | H42637850200000027 | DAO THI NGUYET           | 女         | 1995-05-20 | 024195016066     | LR 2.3    |         |
| 13  | H42637850200000028 | TRINH KHANH HOANG        | 男         | 2009-12-28 | 024209000948     | LR 2.3    |         |
| 14  | H42637850200000029 | TRINH KHANH HUY          | 男         | 2009-12-28 | 024209000949     | LR 2.3    |         |
| 15  | H42637850200000030 | NGUYEN DUY ANH           | 男         | 2009-08-25 | 024209007017     | LR 2.3    |         |
| 16  | H42637850200000031 | NGUYEN THI VAN ANH       | 女         | 2002-10-06 | 02432011530      | LR 2.3    |         |
| 17  | H42637850200000032 | NGUYEN THANH THUY        | 女         | 2000-01-31 | 025300000071     | LR 2.3    |         |
| 18  | H42637850200000033 | NGUYEN THI KIM OANH      | 女         | 1991-04-13 | 026191002597     | LR 2.3    |         |
| 19  | H42637850200000034 | PHAM VIET HOANG          | 男         | 2002-11-25 | 027202005265     | LR 2.3    |         |
| 20  | H42637850200000035 | NGO THI HUONG            | 女         | 2001-03-24 | 027301005920     | LR 2.3    |         |
| 21  | H42637850200000036 | LUONG DUC SO             | 男         | 1990-03-25 | 031090011471     | LR 2.3    |         |
| 22  | H42637850200000037 | NGUYEN THI THAO          | 女         | 1994-09-08 | 031194016736     | LR 2.3    |         |
| 23  | H42637850200000038 | NGUYEN THI KHANH HUYEN   | 女         | 1997-10-22 | 031197004716     | LR 2.3    |         |
| 24  | H42637850200000039 | NGO NGUYET ANH           | 女         | 2002-11-10 | 031302000562     | LR 2.3    |         |
| 25  | H42637850200000040 | NGUYEN HOANG THAO NGUYEN | 女         | 2009-11-02 | 031309001666     | LR 2.3    |         |
| 26  | H42637850200000041 | NGUYEN THI KHANH LINH    | 女         | 2004-10-09 | 033304005951     | LR 2.3    |         |
| 27  | H42637850200000042 | NGUYEN THI HAU           | 女         | 2000-05-03 | 034300008951     | LR 2.3    |         |
| 28  | H42637850200000043 | NGUYEN THI CAN           | 女         | 1989-01-17 | 035189004583     | LR 2.3    |         |
| 29  | H42637850200000044 | NGUYEN THI HONG ANH      | 女         | 1999-07-20 | 036199003730     | LR 2.3    |         |
| 30  | H42637850200000045 | BUI QUANG SANG           | 男         | 2000-09-15 | 036200013642     | LR 2.3    |         |
| 31  | H42637850200000046 | NGUYEN VAN LINH          | 男         | 2005-04-30 | 036205013760     | LR 2.3    |         |
| 32  | H42637850200000047 | NGUYEN THI NGOC BICH     | 女         | 1991-05-06 | 040191002698     | LR 2.3    |         |
| 33  | H42637850200000048 | LE THI VAN ANH           | 女         | 2002-07-11 | 040302004252     | LR 2.3    |         |
| 34  | H42637850200000049 | NGUYEN THI TUYET NGOC    | 女         | 1997-09-19 | 091197005630     | LR 2.3    |         |